

SÁCH HƯỚNG DẪN HỌC TIẾNG ĐỨC - HỌC LIỆU QUAN TRỌNG CHO SINH VIÊN LUẬT HỌC TIẾNG ĐỨC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

TRẦN NGỌC DŨNG *

Tóm tắt: Trong những năm vừa qua, việc dạy và học tiếng Đức tại Trường Đại học Luật Hà Nội (trong khuôn khổ thỏa thuận giữa Trường và các đối tác Cộng hòa liên bang Đức) gặp nhiều khó khăn do không có tài liệu hướng dẫn chi tiết, cụ thể. Bài viết làm rõ sự cần thiết của việc biên soạn cuốn “Sách hướng dẫn học tiếng Đức”; giới thiệu nội dung cuốn sách (bao gồm ngữ pháp, vốn từ, những câu thường dùng, tục ngữ tiếng Đức); tóm tắt quá trình biên soạn cuốn sách; hướng dẫn cách thức và phạm vi sử dụng cuốn sách.

Từ khoá: Trường Đại học Luật Hà Nội; học tiếng Đức; sách hướng dẫn

Nhận bài: 07/6/2019

Hoàn thành biên tập: 05/9/2019

Duyệt đăng: 20/9/2019

“GUIDE TO LEARNING GERMAN” - AN IMPORTANT TEXTBOOK FOR LAW STUDENTS LEARNING GERMAN AT HANOI LAW UNIVERSITY

Abstract: In recent years, teaching and learning German at Hanoi Law University (within the framework of collaboration between the University and German partners) has encountered many difficulties due to having no materials with specific teaching and learning guides. The paper expresses the need to compile “Guide to learning German”. It then introduces the contents of the book (grammar, vocabulary, regularly used sentences and German proverbs) and summarises the course of compiling the book. The paper also instructs the ways and scope of using the book.

Keywords: Hanoi Law University; learning German; guide book

Received: June 7th, 2019; Editing completed: Sept 5th, 2019; Accepted for publication: Sept 20th, 2019

1. Sự cần thiết biên soạn sách hướng dẫn học tiếng Đức

Khi Việt Nam tiến hành đổi mới, mở cửa toàn diện (từ năm 1986 đến nay), sinh viên Việt Nam có cơ hội tìm hiểu và học tập ngành luật cũng như hệ thống pháp luật của

nhiều nước, trong đó có hệ thống pháp luật của CHLB Đức và của châu Âu. Tuy nhiên, để có thể trực tiếp học tập và nghiên cứu hệ thống pháp luật của CHLB Đức và châu Âu, các sinh viên Việt Nam phải nắm vững và sử dụng thành thạo ngôn ngữ Đức.

Năm 2016, Trường Đại học Luật Hà Nội và một số tổ chức đào tạo hàn lâm phi chính phủ của CHLB Đức tại Việt Nam như Cơ quan trao đổi hàn lâm Đức (DAAD), Viện Fridrich Ebert Stiftung (FES)... và một số trường đại học ở CHLB Đức đã thỏa thuận về việc giảng dạy pháp luật Đức và pháp luật

* Giảng viên cao cấp, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: tndung12854@hlu.edu.vn

(1). Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học cấp cơ sở: “Nghiên cứu xây dựng tài liệu hướng dẫn học tiếng Đức theo giáo trình Studio d A1, Deutsch als Fremdsprache, Kurs-und Übungsbuch và giáo trình Studio d A1, Deutsch als Fremdsprache, Sprachtraining”, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2018.

châu Âu cho sinh viên của Trường Đại học Luật Hà Nội. Chương trình này kéo dài bốn năm, với hai năm đầu là giảng dạy ngôn ngữ Đức cho sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai. Trong năm thứ ba và năm thứ tư, các sinh viên sẽ được nghiên cứu pháp luật Đức và pháp luật châu Âu. Với chương trình này, sinh viên được trang bị kiến thức cần thiết và chuyên nghiệp về ngôn ngữ Đức để trực tiếp nghiên cứu pháp luật Đức và pháp luật châu Âu.

Hiện tại, ở Trường Đại học Hà Nội, Đại học quốc gia Hà Nội và một số cơ sở giáo dục đại học khác ở Việt Nam đều có khoa tiếng Đức và có các giáo trình, tài liệu dạy và học tiếng Đức.⁽²⁾ Tuy nhiên, các tài liệu, giáo trình và từ điển này chỉ phục vụ cho việc học tiếng Đức nói chung chứ không thích hợp cho việc học pháp luật Đức và pháp luật châu Âu tại Trường Đại học Luật Hà Nội.

Năm 2014, tập thể tác giả: Jürgen Kesler, Nguyễn Ngọc Hoà, Lê Thị Sơn, Trần Ngọc Dũng, Đào Thị Hằng, Hoàng Thị Minh Sơn, Trần Quang Huy, Thu Lan Böhm đã biên soạn cuốn Từ điển Luật học Đức-Anh-Việt.⁽³⁾ Cuốn từ điển này được xuất bản với sự bảo trợ Viện Friedrich Ebert Stiftung

(FES) và Trường Đại học Luật Hà Nội. Tuy vậy, cuốn sách này chỉ phát huy tác dụng tốt đối với sinh viên trong năm thứ ba và năm thứ tư, khi các sinh viên nghiên cứu pháp luật Đức và pháp luật châu Âu.

Ở nước Cộng hoà dân chủ Đức trước đây đã xuất bản một số cuốn sách giáo khoa dạy tiếng Đức cho người nước ngoài cũng như Từ điển Đức - Việt⁽⁴⁾ nhưng những cuốn sách này được xuất bản đã khá lâu, nhiều kiến thức đã trở nên lạc hậu, chưa cập nhật được những kiến thức và tri thức mới ở Đức cũng như trên thế giới; vốn từ có hạn, không phục vụ cho chuyên ngành đào tạo luật học nên không thể được sử dụng để dạy cho sinh viên của Trường Đại học Luật Hà Nội vào thời điểm này.

Hiện nay, mặc dù ở CHLB Đức có nhiều cuốn sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy tiếng Đức cho người nước ngoài nhưng các đối tác CHLB Đức của Trường Đại học Luật Hà Nội đã lựa chọn các cuốn sách giáo khoa hiện đại và phù hợp nhất cho việc giảng dạy và học tập tiếng Đức, phục vụ cho khoá đào tạo pháp luật Đức và pháp luật châu Âu và cung cấp cho Trung tâm pháp luật Đức của Trường Đại học Luật Hà Nội.⁽⁵⁾

(2). Nguyễn Văn Tuế, Nguyễn Thị Kim Dung, *Từ điển Đức - Việt*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1999; Nguyễn Văn Tuế, Nguyễn Thị Kim Dung, Phạm Trung Liên, Phạm Vũ Thái, *Từ điển Việt - Đức*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1998.

(3). Jürgen Kesler, Nguyễn Ngọc Hoà, Lê Thị Sơn, Trần Ngọc Dũng, Đào Thị Hằng, Hoàng Thị Minh Sơn, Trần Quang Huy, Thu Lan Böhm, *Từ điển pháp luật Đức-Anh-Việt*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2016.

(4). Tập thể tác giả, *Deutsch - Ein Lehrbuch für Ausländer*, Nxb. Enzyklopädie, Leipzig, 1970; Glossar Deutsch - Ein Lehrbuch für Ausländer, Teil 1, *Deutsch-Vietnamesisch của Hans Georg Doebling*, Nxb. Enzyklopädie, Leipzig, 1969; Do Ngoan, Ngo Gia Huong, *Wörterbuch Deutsch-Vietnamesisch*, Nxb. Enzyklopädie, Leipzig, 1964.

(5). Đó là các cuốn sách: “Studio d A1, Deutsch als Fremdsprache, Kurs - und Übungsbuch” của các tác giả Herman Funk, Christina Kuhn, Silke Demme, Oliver Bayerlein, Nxb. Cornelsen, CHLB Đức, 2014;

Tuy vậy, trong những năm gần đây, việc sử dụng những cuốn sách trên cho việc học tiếng Đức sinh viên của Trường Đại học Luật Hà Nội gặp một số khó khăn và hạn chế. Nhu cầu thực tiễn cho thấy cần phải biên soạn một cuốn sách hướng dẫn sinh viên học tiếng Đức. Việc biên soạn cuốn “Sách hướng dẫn học tiếng Đức” (Dựa trên Giáo trình Studio d A1, Deutsch als Fremdsprache) có tính cấp thiết với các lý do như sau:

Thứ nhất, các đối tác CHLB Đức của Trường Đại học Luật Hà Nội đã cung cấp các cuốn sách giáo khoa hiện đại nhất cho việc giảng dạy và học tập tiếng Đức nhằm phục vụ cho “Chương trình giảng dạy và nghiên cứu pháp luật Đức và pháp luật châu Âu”. Tuy vậy, tất cả các tài liệu này đều bằng tiếng Đức, hiện chưa có cuốn sách nào hướng dẫn cách học tiếng Đức, giải nghĩa các từ ngữ tiếng Đức cho sinh viên Việt Nam.

Thứ hai, mặc dù sinh viên của Trường Đại học Luật Hà Nội đã từng học tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp... nhưng tiếng Đức là ngôn ngữ khác biệt. Ví dụ trong tiếng Đức có bốn cách, có rất nhiều dạng bất quy tắc trong cách sử dụng từ ngữ và ngữ pháp... Điều này đòi hỏi cần có sự giải thích, chú thích chính xác, rõ ràng của giảng viên (người Việt Nam) hoặc cần phải có một cuốn sách (được viết bằng tiếng

Việt) hướng dẫn cách học tiếng Đức cho các sinh viên Việt Nam.

Thứ ba, trước khi thực hiện chương trình giảng dạy pháp luật Đức và châu Âu (từ năm 2016), Trung tâm pháp luật Đức tại Trường Đại học Luật Hà Nội đã tổ chức một số khóa học tiếng Đức (một năm) cho sinh viên. Tuy nhiên, kết quả cho thấy sinh viên rất khó lĩnh hội kiến thức về ngôn ngữ Đức vì giảng viên người Đức giảng dạy từ năm thứ nhất và không có sách hướng dẫn học tiếng Đức cho sinh viên. Nhiều sinh viên cho biết họ rất khó tiếp thu nội dung bài học, kiến thức khó hiểu, khó nhớ. Giảng viên tiếng Đức không biết tiếng Việt, sinh viên Việt Nam không biết tiếng Đức nên để hiểu các từ ngữ mới, thầy trò phải dùng tiếng Anh để giải thích. Nhiều sinh viên kiến nghị rằng việc giảng dạy tiếng Đức năm đầu tiên nên được thực hiện bởi một giảng viên người Việt Nam và nếu như có một cuốn sách (bằng tiếng Việt) hướng dẫn cách học tiếng Đức thì sẽ tốt hơn. Với cuốn sách như vậy, khi không có giảng viên (tự học ở nhà) sinh viên vẫn có thể hiểu được các yêu cầu của cuốn sách giáo khoa và tự học được tiếng Đức.

Thứ tư, phía cuối của cuốn sách giáo khoa “Studio d A1, Deutsch als Fremdsprache, Kurs - und Übungsbuch” có công bố danh mục các từ thuộc nội dung các bài khóa trong sách. Tuy nhiên đáng tiếc là số lượng các từ đó quá ít (khoảng 2.000 từ; chỉ bằng khoảng 50% số từ cần học trong cuốn sách này). Các từ lại không được sắp xếp theo thứ tự từng bài khóa trong cuốn sách mà lại trộn lẫn tất cả 13 bài và sắp xếp theo thứ tự chữ

“Studio d A1, Deutsch als Fremdsprache, Sprachtraining” của Nieman Rita Maria, Dong Ha Kim, Nxb. Cornelsen, CHLB Đức, 2013.

cái trong bảng chữ cái tiếng Đức. Do đó, khi học từng bài, người học rất khó tìm được những từ mới theo thứ tự từng bài. Do đó, để hiểu được các từ ngữ trong các cuốn sách này, sinh viên bắt buộc phải tra cứu từ điển. Việc này làm tốn rất nhiều thời gian và công sức của sinh viên, dễ gây nản lòng đối với các sinh viên.

Thứ năm, việc học tiếng Đức cũng như pháp luật Đức và pháp luật châu Âu trong Trường Đại học Luật Hà Nội chỉ được coi là một môn ngoại ngữ như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Nga. Do đó, các sinh viên không thể dùng quá nhiều thời gian trong ngày cho việc học tiếng Đức, họ phải phân bổ thời gian trong ngày, trong tuần cho rất nhiều môn học. Do đó, việc có một cuốn sách hướng dẫn học tiếng Đức, giải thích súc tích, ngắn gọn, rõ ràng từ ngữ Đức - Việt sẽ giúp sinh viên hiểu được nội dung bài trong các cuốn sách giáo khoa tiếng Đức (nêu trên).

Với những lí do nêu trên, việc biên soạn cuốn “Sách hướng dẫn học tiếng Đức” (dựa trên giáo trình “Studio d A1, Deutsch als Fremdsprache”) trong việc giảng dạy, học tập tiếng Đức phục vụ cho chương trình đào tạo pháp luật Đức và pháp luật châu Âu là rất cần thiết. Tài liệu này không chỉ phục vụ cho một vài khoá đào tạo tiếng Đức tại Trường Đại học Luật Hà Nội mà còn có thể sử dụng lâu dài cho nhiều đối tượng khác nhau. Việc Trường Đại học Luật Hà Nội khuyến khích, ủng hộ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc biên soạn cuốn “Sách hướng dẫn học tiếng Đức” cũng thể hiện sự nhiệt tình

và trách nhiệm của Trường trong việc tích cực tham gia cùng các đối tác Đức thực hiện chương trình đào tạo pháp luật Đức và pháp luật châu Âu.

Mục đích của tác giả trong việc biên soạn cuốn “Sách hướng dẫn học tiếng Đức” (dựa trên giáo trình “Studio d A1, Deutsch als Fremdsprache”) là tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên năm thứ nhất khi họ mới làm quen với tiếng Đức, cung cấp vốn tiếng Đức phong phú, vững chắc, cập nhật, hiện đại trước khi họ bước vào giai đoạn nghiên cứu pháp luật Đức và pháp luật châu Âu trong năm thứ ba và năm thứ tư tại Trường.

Thực hiện việc biên soạn cuốn “Sách hướng dẫn học tiếng Đức” tác giả có thuận lợi là đã từng tham gia việc biên soạn cuốn Từ điển pháp luật Đức-Anh-Việt.⁽⁶⁾ Cuốn từ điển này đã được Nhà xuất bản tư pháp và tổ chức phi chính phủ là Viện FES tái bản lần thứ hai (có nâng cấp và mở rộng) vào năm 2017.

2. Nội dung cuốn sách hướng dẫn học tiếng Đức

Cuốn “Sách hướng dẫn học tiếng Đức” (dựa trên giáo trình “Studio d A1, Deutsch als Fremdsprache”) gồm ba phần:

2.1. Phần I - Khái quát chung về tiếng Đức

Phần I bao gồm một số vấn đề về ngữ pháp của tiếng Đức, như: quán từ, danh từ, động từ và trợ động từ, giới từ, tính từ, trạng từ, đại từ, liên từ, phủ định từ, mệnh lệnh

(6). Jürgen Kesler, Nguyễn Ngọc Hoà, Lê Thị Sơn, Trần Ngọc Dũng, Đào Thị Hằng, Hoàng Thị Minh Sơn, Trần Quang Huy, Thu Lan Böhm, *Từ điển pháp luật Đức-Anh-Việt*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2016.

thức, giả định cách, thì, số nhiều và cấu trúc câu trong tiếng Đức. Một số nội dung chủ yếu của phần này là:

- Quán từ trong tiếng Đức

Trong tiếng Đức, quán từ luôn gắn với danh từ, thể hiện ba giống của danh từ là giống đực, giống cái và giống trung. Các quán từ được đặt trước danh từ để chỉ giống, số lượng và mức độ xác định của danh từ. Quán từ có bốn dạng biến cách thể hiện bốn trạng thái, ngữ cảnh khác nhau của các sự vật, hiện tượng là: Cách 1 (Nominativ), trả lời cho câu hỏi ai? cái gì? Cách 2 (Genitiv), trả lời cho câu hỏi của ai? của cái gì? Cách 3 (Dativ), trả lời cho câu hỏi thuộc về ai? từ đâu? ở đâu? Cách 4 (Akkusativ), trả lời cho câu hỏi ai hoặc cái gì? đi đâu, đến đâu?.

Cách của danh từ trong một câu quyết định đuôi của danh từ đó, đuôi của tính từ bổ nghĩa cho nó, đuôi của đại từ sở hữu và quán từ đi kèm. Cách của một danh từ phụ thuộc vào nhiệm vụ của danh từ đó trong câu.

Quán từ của danh từ có hai loại là quán từ xác định (*der* với danh từ giống đực, *die* với danh từ giống cái), *das* với danh từ giống trung), *die* với danh từ số nhiều và quán từ không xác định (*ein* với danh từ giống đực, *eine* với danh từ giống cái, (*ein* với danh từ giống trung).

Quán từ xác định đứng trước danh từ chỉ người hoặc sự vật được xem như đã biết hoặc đã hiện diện trong quá trình nói hoặc viết trước đó, trước một đối tượng cụ thể hoặc đã được biết đến. Quán từ không xác định được dùng khi nói đến một danh từ nào đó ở số ít (một) theo giống và cách của nó.

- Danh từ trong tiếng Đức

Danh từ trong tiếng Đức được chia thành danh từ giống đực, giống cái và giống trung. Tất cả các loại từ khác (động từ, tính từ, trạng từ...) đều có thể trở thành danh từ.

Quán từ luôn đứng trước danh từ và quy định luôn việc chỉ ra giống và số lượng (số ít, số nhiều) và cách của danh từ đó. Ngoài ra, các danh từ còn luôn được viết hoa chữ cái đầu tiên.

Các danh từ cùng quán từ (xác định, không xác định) có sự biến đổi khi được dùng ở số nhiều, ở các cách khác nhau.

Khi danh từ ở dạng số nhiều, đuôi của danh từ thường có sự biến đổi so với đuôi của danh từ ở số ít. Một số danh từ còn có sự biến âm của nguyên âm trong thân của danh từ khi chuyển sang số nhiều.

Trong tiếng Đức, người ta có thể ghép nhiều danh từ để tạo thành một danh từ mới.

Quán từ của các từ ghép là quán từ của danh từ đứng cuối cùng trong từ ghép. Khi dịch nghĩa của từ ghép, phải dịch nghĩa của danh từ đứng cuối cùng tuân tự ngược trở lại nghĩa của các danh từ đứng trước đó.

- Động từ và trợ động từ trong tiếng Đức

Động từ là từ diễn tả một hành động, một trạng thái hay một quá trình. Hầu hết các động từ trong tiếng Đức có đuôi là “-en”. Một số ít động từ có đuôi là “-ln”.

Động từ được phân loại theo nhiều cách. Theo cách chia, có thể phân loại động từ thành hai dạng là động từ hợp quy tắc và động từ bất quy tắc.

Theo mối liên hệ đối với túc từ (*Objekt*) ta có thể chia động từ thành các dạng, như

ngoại động từ, nội động từ. Theo mối liên hệ giữa chủ từ và túc từ, động từ được chia thành động từ phản thân và động từ tương hỗ. Theo mối liên hệ với vị ngữ, động từ được chia thành động từ thường và trợ động từ.

Trong các câu trần thuật có một động từ, động từ luôn đứng ở vị trí thứ hai. Trong các câu có trợ động từ hoặc có 2 - 3 động từ, trợ động từ hoặc một động từ đứng ở vị trí thứ hai; các động từ còn lại đứng ở cuối câu. Khi sử dụng các động từ, các động từ luôn luôn được chia theo ngôi (thứ nhất, thứ hai, thứ ba) và theo số lượng (số ít, số nhiều) của chủ ngữ.

Tuy nhiên, có một số động từ được chia và biến đổi không theo quy tắc trên (còn gọi là động từ bất quy tắc). Hầu hết các động từ ở thì quá khứ Perfekt đều đi với trợ động từ “haben”. Chỉ một số ít động từ ở thì quá khứ Perfekt đi với trợ động từ “sein”.

- Giới từ trong tiếng Đức

Giới từ được dùng cùng với danh từ, cụm danh từ hoặc đại từ để biểu thị mối quan hệ giữa những từ này với những từ khác trong câu.

Giới từ không bị biến đổi hay biến cách. Giới từ thường xác định cách của đại từ hoặc của danh từ đi cùng với nó. Giới từ thường đứng trước danh từ hoặc đại từ và kết hợp với chúng để hình thành nên cụm giới từ.

Giới từ được phân loại thành bốn nhóm chính, là giới từ chỉ địa điểm, giới từ chỉ thời gian, giới từ chỉ nguyên nhân, hệ quả, giới từ chỉ cách thức.

Một số giới từ chỉ được sử dụng trong một cách; tuy nhiên, có một số giới từ đi với cả cách 3 và cách 4.

- Tính từ trong tiếng Đức

Tính từ là từ chỉ tính chất của sự vật, hiện tượng. Tính từ bổ nghĩa cho danh từ, động từ để biểu thị ý nghĩa, tính chất, thuộc tính.

Phần lớn tính từ được thành lập bằng cách thêm tiếp đầu ngữ hay tiếp vị ngữ hoặc bằng cách ghép từ. Có một số tính từ được thành lập từ một cụm từ bổ nghĩa.

Tính từ còn có thể được hình thành bằng cách ghép động từ với tính từ, ghép tính từ với tính từ, ghép danh từ với tính từ. Khi dùng tính từ ở dạng so sánh các mức độ, tính từ được biến đổi theo cách thông thường là thêm đuôi -er và chữ “als” ở mức độ “hơn” và thêm đuôi -est hoặc -st ở mức độ “nhất”.

Tính từ trong tiếng Đức luôn đứng trước danh từ. Các tính từ được sử dụng và có sự biến đổi theo giống (giống đực, giống cái, giống trung) và số lượng (số ít, số nhiều) của danh từ.

- Trạng từ trong tiếng Đức

Trạng từ là từ loại dùng để bổ nghĩa cho động từ, tính từ, danh từ, phân từ và các trạng từ khác. Trạng từ thường được dùng để chỉ nơi chốn, chỉ thời gian, chỉ cách thức, chỉ nguyên nhân, chỉ trạng thái, tính chất của sự vật, hiện tượng. Nói chung, trạng từ không bị biến cách, bất kể nó ở vị trí trạng ngữ, tính ngữ hay vị ngữ.

- Đại từ trong tiếng Đức

Trong tiếng Đức có nhiều loại đại từ. Đó là đại từ nhân xưng (còn gọi là đại từ chỉ ngôi thứ), đại từ sở hữu, đại từ nghi vấn, đại từ bất định, đại từ chỉ định, đại từ quan hệ, đại từ phản thân.

Đại từ nhân xưng chỉ ngôi thứ được chia làm hai nhóm là số ít và số nhiều. Ngôi thứ ba số ít có ba giống là giống đực, giống cái và giống trung. Ngôi thứ hai số nhiều có thêm một dạng để xưng hô với người đối diện trong trường hợp lịch sự, kính trọng.

Tương ứng với đại từ nhân xưng có đại từ sở hữu. Đại từ sở hữu biến đổi theo giống, theo số lượng và theo cách của danh từ mà nó bổ nghĩa. Đại từ sở hữu cho biết người hay vật đó thuộc về ai hay ai là chủ nhân của chúng.

Đại từ nghi vấn dùng để hỏi. Đại từ nghi vấn gồm có: Wer? (ai), Was? (cái gì). Welche? (cái gì? cái nào), was für (ein, eine) ? (một cái gì? loại nào?).

Đại từ bất định dùng thay cho một đối tượng (người hay sự vật) chưa được xác định. Đại từ bất định cũng biến cách theo số lượng, giống của danh từ. Nó được dùng như chủ ngữ hoặc tính ngữ.

Đại từ chỉ định có chức năng như đại từ nhân xưng để chỉ đối tượng được nói đến. Đại từ chỉ định thay đổi theo giống, số lượng và cách của danh từ mà nó đại diện (thay thế).

Đại từ chỉ định phân biệt rõ đối tượng này và các đối tượng khác. Đại từ chỉ định biến đổi theo giống và số lượng của danh từ.

Đại từ quan hệ chủ yếu được dùng trong mệnh đề phụ để thay cho đối tượng, sự kiện, hiện tượng nào đó đã được nói đến ở mệnh đề chính.

Đại từ phản thân chỉ có dạng riêng ở ngôi thứ ba là *sich*. Đại từ phản thân liên kết chặt chẽ với chủ ngữ của câu, biến cách theo

chủ ngữ và các dạng biến cách này phụ thuộc vào động từ.

- Liên từ trong tiếng Đức

Trong tiếng Đức, liên từ (hay còn gọi là kết từ) là một loại từ không biến cách. Chúng nối các mệnh đề hoặc các thành phần của mệnh đề với nhau, làm cho các nội dung có liên quan được diễn đạt trong câu một cách rõ ràng và liên tục.

Tùy theo sự ảnh hưởng của liên từ, đối với vị trí của động từ đã chia trong câu, người ta chia liên từ ra làm hai loại, là liên từ phụ thuộc (*subordinierende Konjunktionen*) và liên từ tập hợp (*koordinierende Konjunktionen*).

- Phủ định từ trong tiếng Đức

Phủ định từ được dùng để phủ định, từ chối, không công nhận một sự vật, hiện tượng nào đó. Phần lớn các từ phủ định trên không biến đổi (không biến cách). Chỉ có các phủ định từ *niemand* và *kein* có sự biến đổi theo cách dùng.

- Mệnh lệnh cách trong tiếng Đức

Mệnh lệnh cách (Imperativ) được dùng khi một người ra lệnh, yêu cầu, khuyên nhủ người khác làm một việc gì đó. Các dạng của mệnh lệnh cách chỉ được dùng cho ngôi thứ hai số ít và số nhiều (*du, ihr*) và dạng xưng hô lịch sự. Câu mệnh lệnh luôn có dấu chấm than (!) ở cuối câu.

Mệnh lệnh cách không chỉ là dạng ra lệnh cho người khác, nó còn được dùng để diễn đạt sự cho phép, lời cảnh cáo, lời báo trước hoặc lời khẩn cầu. Người ta cũng có thể ra lệnh một cách ngắn gọn bằng cách dùng một từ (danh từ hoặc trạng từ), thí dụ: Achtung! (*hãy chú ý*), Tempo! (*nhANH lên nào!*)

Trong trường hợp ra lệnh cho một người, mệnh lệnh cách được hình thành bằng cách chia động từ ở ngôi thứ hai, số ít, sau đó bỏ đuôi –st đi.

Khi ra lệnh cho nhiều người, mệnh lệnh cách được hình thành bằng cách lấy dạng thức động từ ở thì hiện tại, ngôi thứ hai, số nhiều, để đặt câu ở mệnh lệnh cách.

Khi thể hiện yêu cầu với ai hoặc những ai đó ở thể lịch sự, người ta sử dụng động từ nguyên mẫu ở đầu mệnh lệnh cách.

- Giả định cách trong tiếng Đức

Giả định cách (hay thể giả định) là cách đặt yêu cầu, cách chia động từ để diễn tả một sự vật, hiện tượng chưa có thực, mà người ta giả định nó sẽ diễn ra, ước muốn nó sẽ diễn ra, cầu mong nó sẽ diễn ra. Giả định cách được dùng trong thì hiện tại (*Präsens*), thì quá khứ *Präteritum* và thì quá khứ *Plusquamperfekt*.

- Thì trong tiếng Đức

Trong ngữ pháp của tiếng Đức có 6 thì, đó là thì hiện tại (*das Präsens*), thì quá khứ *Präteritum*, thì quá khứ *Perfekt*, thì quá khứ *Plusquamperfekt*, thì tương lai I (*das Futur I*) và thì tương lai II (*das Futur II*).

Thì hiện tại dùng để diễn tả một hành động xảy ra trong thời điểm đang nói, diễn tả một sự kiện, một quá trình kéo dài đến thời điểm hiện tại; diễn tả những hành động, sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai, nhất là khi trong câu có các yếu tố chỉ thời gian sắp đến. Thì hiện tại còn dùng để phát biểu một câu chung chung, một chân lí, tục ngữ hay thành ngữ.

Thì quá khứ *Präteritum* được dùng để diễn đạt những sự việc đã xảy ra trong quá khứ và đã được xác định bởi một mốc thời gian. Thì quá khứ *Präteritum* cũng được dùng để diễn đạt ý nghĩ, suy nghĩ trong các chuyện cổ tích, tiểu thuyết, truyện ngắn...

Thì quá khứ *Perfekt* được dùng khi đàm thoại để diễn tả những sự việc đã xảy ra trong quá khứ, đã kết thúc rồi. Thì quá khứ *Perfekt* cũng được dùng khi diễn đạt một sự việc sẽ xảy ra và hoàn tất trong tương lai. Thì quá khứ *Plusquamperfekt* được dùng để diễn tả những sự việc đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ. Thì tương lai I (*Futur I*) thường được dùng để diễn tả một sự việc có thể xảy ra trong hiện tại, diễn tả một sự phỏng đoán. Thì tương lai I còn thường được dùng để diễn tả một lời phát biểu trước về sự việc sẽ xảy ra trong tương lai. Thì tương lai II (*Futur II*) được dùng để diễn đạt lời phỏng đoán về những sự việc đã hoàn toàn xảy ra. Thì tương lai II cũng được dùng để chỉ sự việc sẽ xảy ra trong tương lai.

- Số nhiều trong tiếng Đức

Hầu hết các danh từ trong tiếng Đức khi chuyển sang số nhiều đều có sự biến đổi ở phần cuối của danh từ. Một số danh từ còn có cả sự biến đổi của nguyên âm trong phần thân của danh từ. Trong cuốn sách này, đuôi của danh từ ở số nhiều và sự biến đổi của nguyên âm (nếu có) được thể hiện sau dấu phẩy ở cuối của danh từ số ít.

- Cấu trúc câu trong tiếng Đức

Câu là đơn vị cơ bản của lời nói, có nội dung và ý nghĩa đầy đủ, độc lập. Câu được tạo thành bằng các từ ngữ theo những quy

tắc nhất định, có ngữ điệu nhất định. Một câu được viết ra bắt đầu bằng chữ cái viết hoa và được kết thúc bằng dấu chấm (.), dấu hỏi (?) hoặc dấu chấm than (!). Để ngắt câu, tách các thành phần trong câu, người ta dùng dấu phẩy (,), dấu chấm phẩy (;), dấu hai chấm (:), dấu gạch (-), dấu ngoặc đơn (...), hoặc dấu ngoặc kép “...”.

Việc phân loại câu được căn cứ vào hình thức cấu tạo và ý nghĩa của câu. Có các loại câu sau: câu khẳng định, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu cầu khiến, câu đơn giản, câu phức hợp.

Câu được thành lập bằng cách ghép các thành phần lại với nhau theo những quy tắc nhất định. Thông thường, câu trong tiếng Đức gồm tối thiểu ba thành phần là: Chủ ngữ, động từ và vị ngữ. Chủ ngữ của câu được xác định khi trả lời cho câu hỏi ai? hay đối tượng nào? tác động hoặc bị tác động. Chủ ngữ có thể là danh từ, đại từ hoặc một cụm danh từ.

Vị ngữ là thành phần của câu bổ sung cho ý nghĩa của chủ ngữ, nhằm hoàn chỉnh ý nghĩa của câu. Câu có thể có mệnh đề chính và mệnh đề phụ, nối với nhau bằng dấu phẩy và các liên từ (*Konjunktion*).

Nếu trong một câu khẳng định có hai, ba động từ, thì một động từ thường được đặt ở vị trí thứ hai (trước hoặc sau chủ ngữ); các động từ còn lại được đặt ở cuối câu.

Trong thực tế, nhất là trong văn viết, người ta thường dùng câu phức hợp là câu có nhiều mệnh đề được liên kết với nhau. Khi đó, câu có một mệnh đề chính (hay câu chính) và một hay nhiều mệnh đề phụ.

2.2. Phần II - Từ ngữ tiếng Đức

Đây là phần biên soạn các từ và ngữ tiếng Đức xuất hiện trong các bài học của hai cuốn sách giáo khoa tiếng Đức theo từng bài khoá. Có 13 tập hợp các từ, ngữ Đức - Việt tương ứng với 13 bài của các cuốn sách giáo khoa tiếng Đức (nêu trên). Trong mỗi tập hợp từ, ngữ đó, các từ, ngữ sẽ được sắp xếp theo thứ tự chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Đức (từ A đến Z) để người học tiện tra cứu.

Trong nội dung Phần II, cuốn sách đã giải nghĩa các danh từ, động từ, trợ động từ, giới từ, tính từ, trạng từ, đại từ, liên từ... trong tiếng Đức và đưa ra nghĩa tiếng Việt một cách ngắn gọn, chính xác, phù hợp với ngữ cảnh trong mỗi bài khoá.

Trong Phần II, cuốn sách cũng dịch đầy đủ và chính xác nội dung yêu cầu trong các bài tập nhỏ của mỗi bài khoá từ tiếng Đức ra tiếng Việt để sinh viên có thể hiểu rõ các yêu cầu và tự học ở nhà (khi không có giảng viên).

Bên cạnh việc biên soạn các từ tiếng Đức gốc, phần vốn từ của cuốn sách sẽ thể hiện cả quán từ xác định, thể hiện số nhiều của các danh từ; các giới từ theo các cách; chú thích động từ ghép, động từ phản thân, trợ động từ; chỉ rõ những từ ngữ nước ngoài (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Ý...) được sử dụng lồng ghép với các từ ngữ tiếng Đức chuẩn để người học hiểu rõ.

Phần II của cuốn sách cũng thể hiện một số ngữ, câu chuẩn mực và câu thường dùng trong cuộc sống thường ngày của người Đức. Một số câu tục ngữ Đức phổ biến, có ý nghĩa sâu sắc cũng được tác giả thể hiện trong sự

so sánh với các câu tục ngữ tương ứng của Việt Nam để người học hiểu rõ hơn truyền thống văn hoá của Đức và vận dụng linh hoạt trong thực tế cuộc sống.

2.3. Phần III - Danh mục từ sắp xếp theo vần ABC

Trong phần này, tác giả biên soạn và sắp xếp các từ tiếng Đức theo thứ tự chữ cái tiếng Đức từ A đến Z (có giải thích bằng tiếng Việt) cho toàn bộ các từ trong hai cuốn sách giáo khoa (đã nói ở trên) để người học tiện tra cứu.

Về thời gian, các từ, ngữ được nghiên cứu và thể hiện ở đây là các từ, ngữ của tiếng Đức hiện đại, được sử dụng một cách phổ biến hiện nay tại nước Cộng hoà liên bang Đức và các nước có sử dụng tiếng Đức.

3. Quá trình biên soạn cuốn sách học tiếng Đức

Cuốn “Sách hướng dẫn học tiếng Đức” đã được “thai nghén” trong vòng hai năm. Tác giả cuốn sách tuy không được đào tạo chuyên sâu về ngôn ngữ Đức nhưng có lòng yêu mến sâu sắc ngôn ngữ Đức, tích lũy được một số kinh nghiệm học tiếng Đức trong quá trình học đại học và làm nghiên cứu sinh chuyên ngành luật kinh tế tại Cộng hoà dân chủ Đức (nay là CHLB Đức).

Năm 2018, với ý tưởng nâng cấp các tài liệu hướng dẫn học tiếng Đức thành tài liệu chính thức của Trường để sử dụng lâu dài, Trường Đại học Luật Hà Nội đã ký hợp đồng nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: “Nghiên cứu xây dựng tài liệu hướng dẫn học tiếng Đức theo giáo trình “Studio d A1, Deutsch als Fremdsprache, Kurs-und Übungsbuch” và

cuốn giáo trình “Studio d A1, Deutsch als Fremdsprache, Sprachtraining” với chủ nhiệm và tập thể tác giả.

Mục tiêu của đề tài nghiên cứu khoa học này khá đặc thù, đó là việc biên soạn và xuất bản một cuốn sách có nội dung và hình thức gắn liền với việc giảng dạy môn tiếng Đức theo những giáo trình có sẵn do các đối tác Đức của Trường Đại học Luật Hà Nội cung cấp. Do đó, những người tham gia thực hiện đề tài đều phải là các giảng viên giảng dạy tiếng Đức theo các giáo trình này.

Sau khi hoàn thành nội dung của đề tài nghiên cứu khoa học với trọng tâm là bản thảo cuốn “Sách hướng dẫn học tiếng Đức”, chủ nhiệm đề tài đã tổ chức Hội thảo khoa học để lấy ý kiến góp ý cho việc hoàn thiện nội dung, hình thức của cuốn “Sách hướng dẫn học tiếng Đức”. Nhiều nhà khoa học là thạc sỹ, giảng viên Khoa tiếng Đức của Trường Đại học Hà Nội, giảng viên, cán bộ và sinh viên khoá 41, 42 học tiếng Đức của Trường Đại học Luật Hà Nội đã được mời tham gia Hội thảo.

Sau Hội thảo, năm giảng viên Khoa tiếng Đức của Trường Đại học Hà Nội đã tiến hành việc hiệu đính nội dung cuốn sách theo các quy định hiện hành về biên soạn sách báo có liên quan đến ngoại ngữ. Sau đó, chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cũng đồng thời là tác giả cuốn sách đã tiến hành chỉnh sửa, bổ sung nội dung và hình thức của cuốn sách theo các ý kiến đã đóng góp của những người tham gia hội thảo và của những người hiệu đính cuốn sách.

Cho tới nay, các kết quả của việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường mà trọng tâm là cuốn “Sách hướng dẫn học tiếng Đức” đã được hoàn thiện.

4. Cách thức và phạm vi sử dụng cuốn sách

Về cách thức sử dụng cuốn “Sách hướng dẫn học tiếng Đức”, trước hết, mỗi sinh viên học tiếng Đức cần có trong tay ba cuốn sách là: 1) “Studio d A1, Deutsch als Fremdsprache, Kurs-und Übungsbuch”; 2) “Studio d A1, Deutsch als Fremdsprache, Sprachtraining”; 3) “Sách hướng dẫn học tiếng Đức”. Sinh viên sẽ đọc kỹ cuốn “Sách hướng dẫn học tiếng Đức” để hiểu những việc cần làm với hai cuốn sách giáo khoa tiếng Đức nói trên, ngay cả khi không có giáo viên dạy tiếng Đức bên cạnh.

Hi vọng rằng cuốn “Sách hướng dẫn học tiếng Đức” (Dựa trên giáo trình Studio d A1) sẽ góp phần thiết thực và tạo thuận lợi cho sinh viên của Trường Đại học Luật Hà Nội trong việc học tốt tiếng Đức trong những năm sắp tới.

Cuốn “Sách hướng dẫn học tiếng Đức” (dựa trên giáo trình Studio d A1) cũng có thể được sử dụng rộng rãi cho việc giảng dạy và học tập tiếng Đức tại các cơ sở đào tạo tiếng Đức ở trình độ đại học ở Việt Nam trong thời gian tới.

Cuốn “Sách hướng dẫn học tiếng Đức” cũng có thể được phát hành và sử dụng rộng rãi ở nước Cộng hoà liên bang Đức nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho những người Việt muốn học tiếng Đức tại đây./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Herman Funk, Christina Kuhn, Silke Demme, Oliver Bayerlein, *Studio d A1, Deutsch als Fremdsprache, Kurs - und Übungsbuch*, Nxb. Cornelsen, CHLB Đức, 2014; Nieman Rita Maria, Dong Ha Kim, *Studio d A1, Deutsch als Fremdsprache, Sprachtrainingm*, Nxb. Cornelsen, CHLB Đức, 2013.
2. Jürgen Kesler, Nguyễn Ngọc Hoà, Lê Thị Sơn, Trần Ngọc Dũng, Đào Thị Hằng, Hoàng Thị Minh Sơn, Trần Quang Huy, Thu Lan Böhm, *Từ điển pháp luật Đức-Anh-Việt*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2016.
3. Jürgen Kesler, Nguyễn Ngọc Hoà, Lê Thị Sơn, Trần Ngọc Dũng, Đào Thị Hằng, Hoàng Thị Minh Sơn, Trần Quang Huy, Thu Lan Böhm, *Từ điển pháp luật Đức-Anh-Việt*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2016.
4. Nguyễn Văn Tuế, Nguyễn Thị Kim Dung, *Từ điển Đức - Việt*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1999.
5. Nguyễn Văn Tuế, Nguyễn Thị Kim Dung, Phạm Trung Liên, Phạm Vũ Thái, *Từ điển Việt - Đức*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1998.
6. Tập thể tác giả, *Deutsch - Ein Lehrbuch für Ausländer*, Nxb. Enzyklopädie, Leipzig, 1970; Glossar Deutsch - Ein Lehrbuch für Ausländer, Teil 1, *Deutsch-Vietnamesisch của Hans Georg Doebling*, Nxb. Enzyklopädie, Leipzig, 1969; Do Ngoan, Ngo Gia Huong, *Wörterbuch Deutsch-Vietnamesisch*, Nxb. Enzyklopädie, Leipzig, 1964.